

GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO KỸ NĂNG MỀM CHO HỌC SINH, SINH VIÊN TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÀO CAI

Nguyễn Quang Tỉnh, Đặng Thị Thanh Thúy
Trường Cao đẳng Lào Cai

Tóm tắt: Trên cơ sở tổng kết hai năm (2024–2026) giảng dạy môn Kỹ năng mềm tại Trường Cao đẳng Lào Cai và kết quả Hội thảo “Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên” (tháng 8/2026), bài viết phân tích thực trạng, chỉ ra hạn chế cốt lõi và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng mềm. Khảo sát ba nhóm đối tượng với độ tin cậy cao (Cronbach’s Alpha 0,91–0,94; T-test, $p < 0,05$) cho thấy môn học tạo chuyển biến tích cực, song vẫn còn khoảng cách giữa “được học” và “thực hiện thành thạo” kỹ năng trong môi trường nghề nghiệp. Đối chiếu với định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đặc biệt là khung kỹ năng mềm, kỹ năng số cốt lõi ban hành theo Quyết định số 2664/QĐ-BGDĐT ngày 09/9/2026, bài viết đề xuất sáu nhóm giải pháp đồng bộ, làm căn cứ xây dựng Đề án nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng mềm giai đoạn 2026–2030 tại Nhà trường.

Từ khóa: kỹ năng mềm; giáo dục nghề nghiệp; chất lượng đào tạo; năng lực nghề nghiệp; Trường Cao đẳng Lào Cai.

SOLUTIONS FOR IMPROVING THE QUALITY OF SOFT SKILLS TRAINING FOR STUDENTS AT LAO CAI COLLEGE

Abstract: Based on a two-year review (2024–2026) of soft skills instruction at Lao Cai College and on the outcomes of the seminar held in August 2026, this article analyzes the current situation, identifies core limitations, and proposes solutions for improving soft skills training quality. A survey of three respondent groups, with high reliability (Cronbach’s Alpha 0.91–0.94) and significant T-test results ($p < 0.05$), shows positive change alongside a persistent gap between “having learned” and “proficiently performing” a skill in real professional settings. Drawing on the Ministry of Education and Training’s guidance, particularly the core soft-skills and digital-skills framework issued under Decision No. 2664/QĐ-BGDĐT dated 9 September 2026, the article proposes six coordinated groups of solutions as a basis for the college’s Soft Skills Training Quality Improvement Project for 2026–2030.

Keywords: soft skills; vocational education and training; training quality; professional competency; Lao Cai College.

Nhận bài: 05/09/2026

Phản biện: 05/10/2026

Duyệt đăng: 08/10/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng và sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo, thị trường lao động đang đặt ra yêu cầu mới đối với người lao động: không chỉ vững vàng về kiến thức, kỹ năng nghề mà còn phải có khả năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, thích ứng với sự thay đổi và học tập suốt đời. Kỹ năng mềm, do đó, không còn được xem là nội dung bổ trợ bên cạnh kỹ năng nghề mà đã trở thành một thành tố cấu thành năng lực nghề nghiệp của người lao động (Nguyễn Văn Tuấn, 2022).

Nhận thức rõ yêu cầu đó, từ năm học 2024–2025, Trường Cao đẳng Lào Cai đã chính thức đưa môn học Kỹ năng mềm vào chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp. Sau hai năm triển khai, Nhà trường đã tổ chức sơ kết, đồng thời tổ chức Hội thảo “Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Lào Cai” vào tháng 8 năm 2026 với sự tham dự của 59 đại biểu, gồm hai phiên làm việc: phiên báo cáo, tham luận và phiên thảo luận nhóm theo chuyên đề (Trường Cao đẳng Lào Cai, 2026b). Đây là dịp để Nhà trường nhìn lại một cách hệ thống, khách quan kết quả đã đạt được,

đồng thời đối chiếu với định hướng, khung kỹ năng mềm – kỹ năng số cốt lõi mới nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với khối giáo dục nghề nghiệp (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026).

Bài viết này được thực hiện nhằm ba mục tiêu: (i) tổng hợp, phân tích kết quả hai năm triển khai giảng dạy môn Kỹ năng mềm tại Trường Cao đẳng Lào Cai trên cơ sở số liệu khảo sát và ý kiến của các bên liên quan; (ii) đối chiếu thực trạng đào tạo của Nhà trường với định hướng, khung kỹ năng cốt lõi do cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục ban hành; và (iii) đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, khả thi nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên trong giai đoạn 2026–2030.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

Kỹ năng mềm (soft skills) gồm các năng lực cá nhân, xã hội và nghề nghiệp hỗ trợ giao tiếp, làm việc và thích ứng, như làm việc nhóm, tư duy phản biện, sáng tạo, quản lý thời gian, giải quyết vấn đề và trí tuệ cảm xúc. Các nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của kỹ năng mềm đối với khả năng cạnh tranh việc làm của sinh viên (Nguyễn Hải

Nam, 2024; Nguyễn Văn Tuấn, 2022) và vai trò của giáo viên chủ nhiệm trong phát triển kỹ năng cho người học (Hoàng Gia Trang, 2017).

Trong chuyển đổi số, DigComp 2.2 (European Commission, 2022), Khung năng lực số theo Thông tư 02/2025/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2025) và nghiên cứu của Đinh Văn Sáng (2025) cung cấp cơ sở xem xét sự gắn kết giữa kỹ năng mềm và năng lực số. Yêu cầu làm việc nhóm liên ngành của sinh viên Y Dược cũng cho thấy sự cần thiết của đào tạo theo đặc thù nghề nghiệp (Nguyễn Kim Chi, 2026). Nghiên cứu này tập trung làm rõ việc điều chỉnh đào tạo kỹ năng mềm theo ngành nghề và vị trí việc làm tại Trường Cao đẳng Lào Cai.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu kết hợp phân tích, tổng hợp tài liệu; điều tra xã hội học; quan sát sự phạm và nghiên cứu sản phẩm đào tạo; thống kê; phân tích nội dung định tính. Nguồn tài liệu gồm báo cáo sơ kết giảng dạy môn Kỹ năng mềm giai đoạn 2024–2026 (Trường Cao đẳng Lào Cai, 2026a); 13 tham luận hội thảo gồm 3 của học sinh, sinh viên, 2 của doanh nghiệp và 8 của nhà giáo; Thông báo kết luận số 63/TB-CDLC ngày 20/8/2026 (Trường Cao đẳng Lào Cai, 2026b); và Tài liệu hướng dẫn ban hành theo Quyết định 2664/QĐ-BGDĐT ngày 09/9/2026 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026).

Báo cáo sơ kết sử dụng mẫu xác định theo công thức Slovin, khảo sát ba nhóm: giảng viên môn Kỹ năng mềm; giảng viên chuyên ngành/giáo viên chủ nhiệm – cố vấn học tập; và học sinh, sinh viên. Cronbach's Alpha đạt 0,91–0,94; kiểm định T-test được báo cáo có ý nghĩa thống kê ở mức $p < 0,05$. Kết quả khảo sát được đối chiếu với tham luận, ý kiến hội thảo và tài liệu hướng dẫn để kiểm chứng chéo giữa các nguồn giảng viên, người học, doanh nghiệp và cơ quan quản lý.

2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.3.1. Khái quát kết quả hai năm triển khai giảng dạy môn Kỹ năng mềm

Sau hai năm triển khai (2024–2026), chương trình môn Kỹ năng mềm được đánh giá phù hợp với tỷ lệ đồng thuận 94–100% ở giảng viên môn học, 50–58% ở giảng viên chuyên ngành và 87–91% ở học sinh, sinh viên. Các phương pháp làm việc nhóm, xử lý tình huống, trải nghiệm và đóng vai được đánh giá trung bình 4,12–4,88/5 điểm. Theo báo cáo, tỷ lệ ghi nhận năng lực trình bày ý kiến, tự tin giao tiếp và tinh thần trách nhiệm tăng 20–40 điểm phần trăm sau học, với xu hướng

thống nhất giữa ba nhóm đánh giá. Kết quả môn Kỹ năng mềm tương quan thuận với kết quả học tập chung (Pearson $r = 0,446$), nhưng chưa đủ xác định đóng góp nhân quả của môn học.

2.3.2. Những hạn chế, bất cập cần khắc phục

Khảo sát, tham luận và kết luận hội thảo ghi nhận các hạn chế chủ yếu (Trường Cao đẳng Lào Cai, 2026b): chương trình còn dùng chung giữa các ngành, thiếu nội dung quản lý cảm xúc, kỹ năng số và lộ trình rèn luyện xuyên suốt; còn khoảng cách giữa học kỹ năng và vận dụng trong nghề nghiệp; giảng viên chưa đồng đều về chuyên môn, kinh nghiệm thiết kế hoạt động trải nghiệm và đánh giá năng lực.

Một bộ phận người học còn hạn chế về chủ động, giao tiếp, xử lý tình huống, quản lý thời gian, cảm xúc và thích ứng với áp lực. Năng lực đầu vào không đồng đều, lớp đông, phổ biến 50–53 người/lớp; việc tích hợp kỹ năng mềm vào môn học, mô-đun chuyên ngành, thực hành và thực tập chưa đồng bộ. Công cụ đánh giá, nhất là đóng góp cá nhân trong hoạt động nhóm, còn thiếu. Những vấn đề này đòi hỏi sự phối hợp của các phòng, khoa, trung tâm, nhà giáo, người học và doanh nghiệp trong toàn bộ quá trình đào tạo.

2.3.3. Đối chiếu với định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Hội thảo toàn quốc tháng 8/2026 xác định ba định hướng: coi kỹ năng mềm là năng lực cốt lõi; gắn kết kỹ năng mềm, kỹ năng số và kỹ năng nghề; chuẩn hóa để đo lường, đánh giá. Các định hướng được cụ thể hóa trong Tài liệu hướng dẫn ban hành theo Quyết định 2664/QĐ-BGDĐT ngày 09/9/2026 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2026).

Tài liệu xác định kỹ năng mềm mang tính bối cảnh, hình thành chủ yếu qua trải nghiệm, có thể quan sát, đánh giá và cần rèn luyện liên tục; chuẩn đầu ra được xây dựng theo KSA (Kiến thức – Kỹ năng – Thái độ) và SMART. Tham chiếu các khung của Australia, Singapore, Canada và Liên minh châu Âu, tài liệu đề xuất 3 nhóm với 9 kỹ năng mềm: Nhóm 1 – Giao tiếp và quan hệ (giao tiếp, lắng nghe tích cực, làm việc nhóm); Nhóm 2 – Tư duy và tự quản lý (tư duy phản biện, quản lý cảm xúc, quản lý thời gian); Nhóm 3 – Tiếp cận nghề nghiệp (định vị bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp, viết CV và email ứng tuyển, phỏng vấn và đàm phán tuyển dụng). Song song, trên cơ sở Khung năng lực số theo Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT và khung DigComp 2.2, Tài liệu đề xuất khung 3 nhóm – 7 kỹ năng số cốt lõi: kỹ năng

số nền tảng (sử dụng thiết bị và ứng dụng số, tìm kiếm – đánh giá thông tin số, giao tiếp và hợp tác số), kỹ năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo (hiểu biết cơ bản và sử dụng AI hiệu quả trong học tập, nghề

ng nghiệp) và kỹ năng an toàn, đạo đức số.

Kết quả đối chiếu thực trạng đào tạo tại Trường Cao đẳng Lào Cai với các khung định hướng nêu trên được tổng hợp tại Bảng 1.

Bảng 1. Đối chiếu thực trạng đào tạo kỹ năng mềm tại Trường Cao đẳng Lào Cai với định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tiêu chí	Thực trạng tại Trường Cao đẳng Lào Cai (2024–2026)	Định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Vị trí môn học	Thuộc khối kiến thức cơ sở bắt buộc, giảng dạy độc lập.	Kỹ năng mềm là năng lực cốt lõi, cần tích hợp xuyên suốt toàn chương trình theo tiếp cận phát triển năng lực.
Khung nội dung	06 bài: giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm, lập kế hoạch, tự học, tìm việc làm.	Khung 3 nhóm – 9 kỹ năng mềm cốt lõi: (1) Giao tiếp và quan hệ (giao tiếp, lắng nghe tích cực, làm việc nhóm); (2) Tư duy và tự quản lý (tư duy phản biện, quản lý cảm xúc, quản lý thời gian); (3) Tiếp cận nghề nghiệp (định vị bản thân, viết CV/email, phỏng vấn – đàm phán).
Kỹ năng số	Chưa có nội dung riêng về kỹ năng số trong chương trình môn học.	Khung 3 nhóm – 7 kỹ năng số cốt lõi: kỹ năng số nền tảng (thiết bị, tìm kiếm – đánh giá thông tin, giao tiếp số); ứng dụng AI trong học tập, nghề nghiệp; an toàn và đạo đức số.
Đánh giá kết quả	Rubric 4 mức qua thực hành, đóng vai; khó định lượng đóng góp cá nhân trong nhóm.	Đánh giá theo chuẩn đầu ra năng lực (cấu trúc KSA, nguyên tắc SMART); kết hợp đánh giá quá trình, tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng và quan sát hành vi.
Phương pháp, công cụ	Thảo luận, đóng vai, phương tiện truyền thống (giấy A0, máy chiếu).	Dạy học trải nghiệm, lấy người học làm trung tâm; tích hợp công cụ trí tuệ nhân tạo có kiểm soát vào thực hành và tự học.
Vai trò doanh nghiệp	Phối hợp tiếp nhận thực tập, chia sẻ kinh nghiệm qua các buổi tọa đàm.	Doanh nghiệp tham gia thực chất: xác định yêu cầu kỹ năng, cung cấp tình huống, hướng dẫn thực hành, phản hồi và đánh giá người học.

Kết quả đối chiếu cho thấy khung chương trình hiện hành của Nhà trường về cơ bản phù hợp với định hướng chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ở các nhóm kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và tiếp cận nghề nghiệp, song cần được cập nhật, bổ sung theo khung 9 kỹ năng mềm và 7 kỹ năng số cốt lõi nêu trên – đặc biệt là các nội dung tư duy phản biện, quản lý cảm xúc, kỹ năng số nền tảng và ứng dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm – đồng thời chuyển đổi công cụ đánh giá theo hướng tiếp cận năng lực (KSA, SMART).

2.3.4. Thảo luận: tái định vị quan điểm đào tạo kỹ năng mềm

Từ các kết quả phân tích trên, Hội thảo đã đi đến thống nhất về mặt nhận thức: trong bối cảnh

chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và sự phát triển nhanh của trí tuệ nhân tạo, yêu cầu đối với người tốt nghiệp không chỉ dừng ở việc biết nghề, vững nghề, mà còn phải có khả năng giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, thích ứng với sự thay đổi, tác phong công nghiệp, năng lực số và khả năng học tập suốt đời; kỹ năng mềm là một thành tố của năng lực nghề nghiệp theo tinh thần "kỹ năng mềm – giá trị cứng" (Trường Cao đẳng Lào Cai, 2026b).

Trên cơ sở đó, Hội thảo xác định cần chuyển mạnh phương thức đào tạo kỹ năng mềm theo quy trình: học để biết → thực hành để làm được → trải nghiệm để hình thành năng lực → đánh giá để tiến bộ → vận dụng để đáp ứng nghề nghiệp;

đồng thời xây dựng hệ thống kỹ năng mềm theo cấu trúc "cốt lõi chung – đặc thù nghề nghiệp", phù hợp với khung 9 kỹ năng mềm cốt lõi của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong đó các khoa chuyên môn chủ động xác định nội dung kỹ năng mềm phù hợp với từng ngành nghề, mô-đun và hoạt động đào tạo cụ thể. Bốn chuyển dịch quan điểm cốt lõi được thống nhất gồm: chuyển từ "dạy một môn Kỹ năng mềm" sang "xây dựng hệ thống rèn luyện kỹ năng mềm trong toàn bộ quá trình đào tạo"; từ "học kỹ năng" sang "thực hành năng lực"; từ "đánh giá kết quả" sang "đánh giá năng lực và sự tiến bộ"; và từ "phối hợp với doanh nghiệp" sang "doanh nghiệp tham gia thực chất vào quá trình đào tạo".

Cách tiếp cận này phù hợp với xu hướng quốc tế về phát triển năng lực số gắn với kỹ năng xã hội (European Commission, 2022) và khắc phục đúng khoảng trống mà các nghiên cứu trong nước đã chỉ ra – đó là sự tách biệt giữa dạy kỹ năng mềm như một môn học độc lập với quá trình hình thành năng lực nghề nghiệp thực chất (Nguyễn Văn Tuấn, 2022). Đây chính là cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất hệ thống giải pháp tại mục 5.

2.4. Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng mềm giai đoạn 2026–2030

Căn cứ kết quả phân tích thực trạng, khung kỹ năng mềm – kỹ năng số cốt lõi theo Quyết định số 2664/QĐ-BGDĐT, ý kiến thống nhất tại Hội thảo và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị liên quan (Trường Cao đẳng Lào Cai, 2026b), nhóm nghiên cứu đề xuất sáu nhóm giải pháp đồng bộ như sau.

2.4.1. Cá biệt hóa chương trình, nội dung môn học theo đặc thù ngành nghề

Phòng Quản lý đào tạo chủ trì, phối hợp Khoa Khoa học cơ bản và các khoa chuyên môn rà soát chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm của từng ngành theo khung 9 kỹ năng mềm cốt lõi, xác định nhóm kỹ năng áp dụng chung toàn trường và nhóm kỹ năng đặc thù theo từng ngành, nghề, vị trí việc làm, bảo đảm tính kế thừa, liên thông giữa các giai đoạn đào tạo.

2.4.2. Chuẩn hóa công cụ đánh giá năng lực

Khoa Khoa học cơ bản xây dựng bộ tiêu chí Rubric và công cụ lượng giá theo cấu trúc KSA và nguyên tắc SMART, hướng tới đánh giá quá trình, sản phẩm và sự tiến bộ của người học thay vì chỉ đánh giá kết quả cuối cùng; áp dụng thống nhất các mô hình đánh giá đa chủ thể (giảng viên,

tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng), làm cơ sở để Phòng Quản lý đào tạo tổ chức thẩm định, ban hành áp dụng thống nhất toàn trường.

2.4.3. Tích hợp kỹ năng số, quản trị cảm xúc và kỹ năng xanh

Khoa Khoa học cơ bản chủ trì điều chỉnh chương trình môn Kỹ năng mềm theo khung 9 kỹ năng mềm và 7 kỹ năng số cốt lõi của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bổ sung các nội dung tư duy phản biện, quản lý cảm xúc, kỹ năng số nền tảng và kỹ năng xanh, hoàn thành trong quý III năm 2026 để kịp áp dụng từ năm học 2026–2027. Đồng thời xây dựng kế hoạch tập huấn nội bộ cho giảng viên về ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy và đánh giá, hướng dẫn người học biết xác định vấn đề, lựa chọn công cụ, kiểm chứng thông tin và sử dụng trí tuệ nhân tạo một cách an toàn, có trách nhiệm, tránh lệ thuộc.

2.4.4. Đổi mới phương pháp dạy học gắn với trải nghiệm nghề nghiệp

Đội ngũ nhà giáo chủ động đổi mới phương pháp theo hướng tăng cường thực hành, trải nghiệm, thảo luận, làm việc nhóm, giải quyết tình huống, học theo dự án và mô phỏng môi trường nghề nghiệp, tạo cơ hội để người học được học – thực hành – trải nghiệm – tự đánh giá – được đánh giá và nhận phản hồi trong suốt quá trình học tập, không chỉ tại thời điểm kiểm tra, thi kết thúc môn học.

2.4.5. Thể chế hóa sự tham gia thực chất của doanh nghiệp

Chuyển mạnh từ hình thức "phối hợp với doanh nghiệp" mang tính sự kiện sang "doanh nghiệp tham gia thực chất" xuyên suốt quá trình đào tạo: từ xác định yêu cầu năng lực nghề nghiệp, góp ý và cập nhật chương trình, cung cấp tình huống và môi trường thực hành, đến tham gia hướng dẫn thực tập, đánh giá người học và phản hồi chất lượng đầu ra. Các thỏa thuận hợp tác cần được ký kết chính thức, có cơ chế đánh giá định kỳ thay vì chỉ dừng lại ở từng sự kiện, tọa đàm riêng lẻ.

2.4.6. Tăng cường vai trò chủ nhiệm lớp và hoạt động ngoại khóa

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng định kỳ về nghiệp vụ tư vấn tâm lý, kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho đội ngũ chủ nhiệm lớp. Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên chủ trì tổ chức các hoạt động ngoại khóa thường xuyên (câu lạc bộ, diễn đàn, hội thi, hoạt động tình nguyện, chương trình trải nghiệm) nhằm rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, lãnh đạo, tổ

chức sự kiện, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên bên ngoài giờ lên lớp chính khóa.

Sáu nhóm giải pháp nêu trên có mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung lẫn nhau và cần được triển khai đồng bộ dưới sự chỉ đạo thống nhất của Ban Giám hiệu, với thông điệp xuyên suốt: chất lượng đào tạo kỹ năng mềm không được đo bằng số nội dung đã học hay điểm số đạt được ở một môn học, mà phải được thể hiện ở năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và khả năng thích ứng thực sự của học sinh, sinh viên sau khi tốt nghiệp.

III. KẾT LUẬN

Qua hai năm triển khai, môn Kỹ năng mềm đã mang lại kết quả bước đầu đáng khích lệ tại Trường Cao đẳng Lào Cai, được xác nhận thống

nhất qua dữ liệu khảo sát và ý kiến của giảng viên, học sinh - sinh viên, doanh nghiệp. Tuy nhiên, để kỹ năng mềm thực sự trở thành thành tố cấu thành năng lực nghề nghiệp theo tinh thần "kỹ năng mềm – giá trị cứng" và theo khung 9 kỹ năng mềm – 7 kỹ năng số cốt lõi tại Quyết định số 2664/QĐ-BGDĐT, Nhà trường cần chuyển đổi đồng bộ từ "dạy một môn học" sang "xây dựng hệ thống rèn luyện kỹ năng mềm xuyên suốt toàn bộ quá trình đào tạo", với sự tham gia thực chất của Nhà trường, doanh nghiệp và người học. Sáu nhóm giải pháp đề xuất là căn cứ khoa học và thực tiễn để xây dựng, triển khai Đề án nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng mềm giai đoạn 2026–2030, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2025). Khung năng lực số cho người học (Thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025). Hà Nội.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2026). Tài liệu hướng dẫn hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (ban hành kèm theo Quyết định số 2664/QĐ-BGDĐT ngày 09/9/2026). Hà Nội.
- Đinh Văn Sáng. (2025). Mối quan hệ giữa phát triển kỹ năng mềm và năng lực số cho sinh viên trong bối cảnh chuyển đổi số và toàn cầu hóa. *Tạp chí Tâm lý - Giáo dục*, 31(11), 160–163.
- European Commission. (2022). DigComp 2.2: The Digital Competence Framework for Citizens. Publications Office of the European Union. <https://doi.org/10.2760/490274>
- Hoàng Gia Trang. (2017). Kỹ năng tư vấn tâm lý cơ bản cho giáo viên chủ nhiệm ở trường Trung học cơ sở. *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, (138), 77–80.
- Nguyễn Hải Nam. (2024). Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên đại học hiện nay – Nghiên cứu trường hợp tại Trường Đại học FPT. *Tạp chí điện tử Quản lý nhà nước*.
- Nguyễn Kim Chi. (2026). Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên ngành Y Dược trong chăm sóc bệnh nhân toàn diện. *Tạp chí Tâm lý - Giáo dục*.
- Nguyễn Văn Tuấn. (2022). Giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên đại học dựa trên dạy và học chính khóa. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 18(12), 18–22.
- Trường Cao đẳng Lào Cai. (2026a). Báo cáo sơ kết 02 năm triển khai giảng dạy môn Kỹ năng mềm trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp (giai đoạn 2024–2026). Tài liệu nội bộ, Lào Cai.
- Trường Cao đẳng Lào Cai. (2026b). Thông báo số 63/TB-CĐLC ngày 20/8/2026 về kết quả tổ chức Hội thảo "Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Lào Cai". Lào Cai.